TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/DS-ST
Ngày: 20-3-2026;
Về việc*:"Tranh chấp thừa kế tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Xuân Phong;

2/ Bà Huỳnh Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Kim Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2025/TLST-DS ngày 26-3-2025 về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 607/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: bà Cao Thị Tuyết N, sinh năm 1951; địa chỉ: số nhà B24/17, khu phố H, phường T, tỉnh Tây N, (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N, (có mặt).

* *Bị đơn*: ông Cao Minh T, sịnh năm 1965; địa chỉ số nhà 095 đường Lê Lợi, khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N, (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Cao Thị T, sinh năm 1949; địa chỉ: số nhà 08, hẻm 17 đường 30/4, khu phố 4, phường 2, thành phố 14, phường Tân N, tỉnh Tây N (có mặt).

- Bà Cao Thị A, sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà 04, tổ 18 ấp N, phường N, tỉnh Tây N (có mặt);

- Bà Phan Thị Duyên, sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà 65 đường H, khu phố 18, phường Tân N, tỉnh Tây N (vắng mặt);

- Anh Cao Bá D, sinh năm 1979; địa chỉ: số nhà 65 đường H, khu phố 18, phường Tân N, tỉnh Tây N (vắng mặt);

- Anh Cao Bá D, sinh năm 1981; địa chỉ: số nhà 65 đường H, khu phố 18, phường Tân N, tỉnh Tây N (vắng mặt);

- Chị Cao Như Thiên T, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà 45 hẻm 73 đường C, khu phố H, phường Tân N, tỉnh Tây N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, anh Cao Bá D, anh Cao Bá D: chị Cao Như Thiên T (có mặt).

- Ông Cao Minh D, sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà 04, tổ 18 ấp N, phường N, tỉnh Tây N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Cao Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N theo quy định của pháp luật. Mẹ của bà N là cụ Cao Thị T chết năm 2009, cha là ông Nguyễn Văn D, chết năm 1991. Bà T, ông D có 06 người con là gồm Cao Thị T, Cao Thị A, Cao Thị Tuyết N, Cao Minh T, Cao Minh D và Cao Minh H (chết năm 1990, có vợ là Phan Thị Duyên và 03 người con là Cao Bá D, Cao Bá D, Cao Như Thiên T). Ông D bỏ nhà đi biệt tích từ năm 1965, từ đó tới nay nhà đất này là do mấy mẹ con Bà T sinh sống. Năm 2005, Bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện tại Bà T vẫn đang đứng tên quyền sử dụng đất này. Quyền sử dụng đất này có nguồn gốc là của cha mẹ để lại. Sau khi Bà T chết, ông T là người về đây sinh sống và quản lý đất, không đồng ý chia thừa kế do đó nay bà N khởi kiện yêu cầu chia quyền sử dụng đất trên thành 7 phần, trong đó giao lại cho ông D là người có công chăm sóc mẹ trong thời gian mẹ già yếu cho tới khi chết. 5 phần còn lại thì chia đều cho 5 người con của Bà T.

** Bị đơn ông Cao Minh T vắng mặt nên không có phần trình bày.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị A, Cao Thị T, Cao Minh D và chị Cao Như Thiên T trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về quan hệ thừa kế, di sản thừa kế và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nêu trên thành 7 phần trong đó ông Cao Minh D được hưởng 02 phần, còn lại 5 phần chia đều cho 5 người con, phần của ông H thì vợ và con của ông H được hưởng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/*Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do là đã từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

3/Về nội dung:

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Tuyết N; Chia di sản thừa kế của cụ T là QSDĐ diện tích 138,8m^2 theo quy định pháp luật. Khi phân chia di sản thừa kế cần xem xét công sức của ông Cao Minh D về việc có công chăm sóc cụ T, quản lý, gìn giữ tài sản của cụ T.

Giải quyết án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật (riêng bà T, bà N, bà A, ông D có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi nên cần xem xét miễn án phí).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông Cao Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: cụ Cao Thị T, sinh năm 1924, chết năm 2009 và cụ Nguyễn Văn D, sinh năm 1920, chết năm 1991, ngày 12-3-2025 bà Cao Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Cao Thị T để lại nên còn thời hiệu. Hội đồng xét xử tiến hành chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về hàng thừa kế và quan hệ thừa kế: Các đương sự thống nhất không có tranh chấp về hàng thừa kế và quan hệ thừa kế cụ thể như sau: cụ Cao Thị T, sinh năm 1924, chết năm 2009 và cụ Nguyễn Văn D, sinh năm 1920, chết năm 1991. Cụ T, cụ D chết không để lại di chúc. Cụ D chết trước cụ T do đó nay các đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T để lại. Cụ T, cụ D sinh được 06 người con chung là Cao Thị T, Cao Thị A, Cao Thị Tuyết N, Cao Minh T, Cao Minh D và Cao Minh H (chết năm 1990, có vợ là Phan Thị Duyên và 03 người con là Cao Bá D, Cao Bá D, Cao Như Thiên T). Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ D là Cao Thị T, Cao Thị A, Cao Thị Tuyết N, Cao Minh T, Cao Minh D và Cao Minh H, trong đó ông H chết năm 1990, nên vợ là bà D, anh D, anh D và chị T là thừa kế chuyển tiếp.

[4] Về di sản thừa kế: quyền sử dụng đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24,

tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N hiện tại đang do cụ Cao Thị T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 515495 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh cấp ngày 16-9-2005. Quyền sử dụng đất này theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại. Cụ T và cụ D chung sống với nhau từ trước năm 1945. Sau đó đến năm 1965 thì cụ D bỏ đi nơi khác sinh sống cho đến năm 1991 thì chết. Phần đất này từ năm 2001 cụ T đi làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16-9-2005 cụ T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất 272,7m^2. Sau đó ngày 27-02-2006 cụ T đã chuyển nhượng 1 phần quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn Diễn và bà Trần Thị Nguyệt. Ngày 20-7-2006 cụ T tiếp tục chuyển nhượng một phần đất cho ông Trần Hồng T và bà Phạm Thị Ngọc V nên diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 140,49m^2, theo đo đạc thực tế là 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N. Các đương sự thống nhất với diện tích theo đo đạc thực tế này, do đó đây là tài sản riêng của cụ T. Di sản thừa kế mà các đương sự yêu cầu chia trong vụ án này là quyền sử dụng đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N. Đối với căn nhà gỗ trên đất và cây trái trên đất không có giá trị, các đương sự thống nhất không yêu cầu chia di sản thừa kế nên ghi nhận. Quá trình giải quyết vụ án ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, coi như tự từ bỏ việc tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Tuyết N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nêu trên.

[5] Phương thức phân chia di sản: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất chia di sản thừa kế nêu trên thành 07 phần. Do ông D là người trực tiếp chăm sóc cụ T lúc già yếu cho đến khi qua đời và đồng ý giao thêm cho ông D 01 kỷ phần thừa kế nên ghi nhận. Do đó ngoài kỷ phần di sản mà ông D được phân chia thì ông D được chia thêm 01 kỷ phần công sức chăm sóc mẹ lúc già yếu cho đến khi qua đời. Xét thấy quyền sử dụng đất nêu trên có diện tích nhỏ, không đảm bảo việc tách thửa, các đương sự không có ai có khả năng nhận đất và giao giá trị các phần thừa kế còn lại cho các đồng thừa kế. Các đương sự đều thống nhất yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất nên ghi nhận.

Như vậy quyền sử dụng đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N, các đương sự thống nhất lấy giá theo kết quả định giá đối với quyền sử dụng đất này để giải quyết vụ án là 3.470.000.000 đồng được chia thành 07 phần cụ thể như sau:

Bà A, bà T, bà N, ông T mỗi người được hưởng 1/7 trị giá đất của phần đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N theo giá thực tế tại thời điểm thi hành án, tạm tính là 495.714.000 đồng;

Bà D và chị T, anh D, anh D được hưởng 1/7 trị giá đất của phần đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N theo giá thực tế tại thời điểm thi hành án, tạm tính là 495.714.000 đồng;

ghi nhận bà D và các con của ông H không yêu cầu chia nhỏ phần thừa kế chuyển tiếp được nhận của ông H.

Ông D được hưởng 2/7 trị giá đất của phần đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N theo giá thực tế tại thời điểm thi hành án, tạm tính là 495.714.000 đồng, tạm tính là 991.428.000 đồng.

[7] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[8] Về chi phí tố tụng: theo khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia:

Tổng chi phi phí tố tụng là 17.006.000 đồng.

Mỗi người thừa kế phải chịu một phần: 17.006.000 đồng : 7 kỷ phần = 2.430.000 đồng.

Ông D phải chịu 02 phần do được hưởng 01 kỷ phần của mình, 01 kỷ phần công sức chăm sóc mẹ già: 2.430.000 đồng x 2 = 4.860.000 đồng.

Bà A, bà T, bà N, ông T mỗi người phải chịu 2.430.000 đồng tiền chi phí tố tụng;

Bà D, anh D, anh D, chị T phải chịu 2.430.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

Bà N đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng chi phí tố tụng 17.006.000 đồng; do đó các thừa kế khác có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà N.

[9] Về án phí:

Bà N, bà T, bà A, ông D, bà D là người cao tuổi có đơn xin được miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí. Anh D, anh D, chị T mỗi người phải chịu 8.261.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Tuyết N đối với ông Cao Minh T về việc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*":

Chia cho bà Cao Thị Tuyết N, ông Cao Minh T, bà Cao Thị T, bà Cao Thị A mỗi người được hưởng 1/7 trị giá đất của phần đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N theo giá thực tế tại thời điểm thi hành án, tạm tính là 495.714.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC

515485 do Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Tây N cấp ngày 16-9-2005 cho bà Cao Thị T đứng tên.

Chia cho ông Cao Minh D được hưởng 2/7 trị giá đất của phần đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N theo giá thực tế tại thời điểm thi hành án, tạm tính là 991.428.000 đồng (Chín trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 515485 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây N cấp ngày 16-9-2005 cho bà Cao Thị T đứng tên.

Chia cho bà Phan Thị D, anh Cao Bá D, anh Cao Bá D, chị Cao Như Thiên T được hưởng 1/7 trị giá đất của phần đất có diện tích 138,8m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 124 tọa lạc tại khu phố 19, phường Tân N, tỉnh Tây N theo giá thực tế tại thời điểm thi hành án, tạm tính là 495.714.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 515485 do Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Tây N cấp ngày 16-9-2005 cho bà Cao Thị T đứng tên.

5. Về chi phí tố tụng: ông D phải chịu 4.860.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) để trả lại cho bà N; bà A, bà T, bà N, ông T mỗi người phải chịu 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng để trả lại cho bà N; bà D, anh D, anh D, chị T phải chịu 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng để trả lại cho bà N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà N, bà T, bà A, ông D, bà D là người cao tuổi có đơn xin được miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí. Anh D, anh D, chị T mỗi người phải chịu 8.261.900 đồng (Tám triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có mặt quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;

- VKSND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 10-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

Nguyễn Thị Cẩm Ly